

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08-4-2024

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

Ông Phạm Tấn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Quách Thị M, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20-11-2023, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Quách Thị M trình bày:

Về hôn nhân: bà Quách Thị M chung sống với ông Trần Ngọc T từ năm 2006, hôn nhân có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17, ngày 05-4-2006. Quá trình chung sống, vợ chồng có thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế.

Vợ chồng đã ly thân và không còn sống chung từ cuối năm 2019. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, bà Mến yêu c được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung là cháu Trần Ngọc Minh H, sinh ngày 19/7/2007; khi ly hôn, bà Mến yêu c được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Ngọc Minh H, sinh ngày 19/7/2007, không yêu cầu cấp dưỡng cho con

Về chia tài sản chung, nợ chung: bà M không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trần Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai nhưng bị đơn ông Trần Ngọc T đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa: nguyên đơn bà Quách Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 95 đến Điều 98 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260 Bộ luật Tố tụng dân sự, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 51, 237 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Bà M và ông T chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 2006 theo giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 05/4/2006 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, bà M và ông T có một người con chung là cháu Trần Ngọc Minh H, sinh ngày 19/7/2007. Sau thời gian chung sống thì đến năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình với bà M, từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và không còn thương yêu, chăm sóc gia

đình. Bà M và ông T đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Từ tháng 10/2019, bà M và cháu H về ở tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và làm công nhân Công ty TNHH D-TECH VINA tại khu công nghiệp B, phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa với mức thu nhập hàng tháng 5.600.000 đồng. Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông T không tham gia làm việc và không trực tiếp giao nhận với Tòa án các văn bản tố tụng dù được triệu tập hợp lệ. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc bà M và ông T là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình như vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà M là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung: bà M là người trực tiếp chăm sóc con chung là cháu Trần Ngọc M1 H từ tháng 10/2019, bà M có nơi cư trú và thu nhập ổn định. Trong bản tự khai của cháu H ngày 12/9/2023 gửi cho Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, cháu H có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi ly hôn. Bà Mền yêu c được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà M.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Quách Thị M đối với bị đơn ông Trần Ngọc T, giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị M về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn là ông Trần Ngọc T có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt và không tham gia tố tụng là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: bà Quách Thị M chung sống với ông Trần Ngọc T từ năm 2006, hôn nhân có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17, ngày 05-4-2006 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vấn đề tình cảm, kinh tế, cuộc sống vợ chồng

không hạnh phúc (theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 09-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B). Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hoà giải đoàn tụ tại Tòa án. Do đó, có cơ sở xác định: bà M và ông T không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà M yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: bà M và ông T có một con chung là Trần Ngọc Minh H, sinh ngày 19/7/2007. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Minh H, sinh ngày 19/7/2007, không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con. Xét, cháu H có nguyện vọng được bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà M có thu nhập, đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con và cháu H đang do bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không có ý kiến gì về con chung khi ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Trần Ngọc Minh H, sinh ngày 19/7/2007 cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà M không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: nguyên đơn bà Quách Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự,

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Thị M đối với bị đơn ông Trần Ngọc T về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Quách Thị M và ông Trần Ngọc T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Ngọc Minh H, sinh ngày 19/7/2007 cho bà Quách Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Quách Thị M không yêu cầu ông Trần Ngọc T cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: bà Quách Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Quách Thị M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003231 ngày 20-11-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Dũng